TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - LAI CHÂU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2026/HS-ST
Ngày 04 - 08 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Đồng Văn Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà: Vàng Thị Út

2. Ông: Vàng Văn Minh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà: Thào Thị Tấu - Thư ký, Toà án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu tham gia phiên toà:*** Bà: Phan Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 184/2026/TLST-HS, ngày 03/7/2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2026/QĐXXST-HS, ngày 21/7/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lý Văn T**; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982, tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT, chỗ ở trước khi bị bắt: bản Xám Láng, xã M, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; dân tộc: Cống; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Ư H, sinh năm 1951 và con bà Chang Thị X, sinh năm 1960; Có vợ: Lò Thị L, sinh năm 1980 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 56/2011/HSST ngày 12/9/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1, Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 24 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/3/2013 và đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 29/11/2011. Do đó, bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/4/2026 đến ngày 17/4/2026 thì bị áp dụng biện pháp Tạm giam tại Phân trại tạm giam Mường Tè thuộc Trại giam Công an tỉnh L cho đến nay. *(Có mặt).*

Người làm chứng:

- Anh Lý A T1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Lai Châu. *(Vắng mặt không có lý do).*

- Anh Tòng Văn T2, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lai Châu. *(Vắng mặt không có lý do).*

Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T: Bà: Nông Thị Minh H1 - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. *(Có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 13/4/2026, Lý Văn T đến khu vực đầu cầu B, xã M, tỉnh Lai Châu để tìm mua Heroine về sử dụng. Tại đây, T gặp và mua được của một người đàn ông dân tộc Mông lạ mặt 01 gói Heroine được gói bên ngoài bằng mảnh giấy trắng, có dòng kẻ với giá 50.000 đồng. Mua được H2, T mang đến bãi đá đầu Bản X, xã M, tỉnh Lai Châu lấy một phần trong số Heroine vừa mua được ra sử dụng *(bằng hình thức hít)*, phần còn lại T cất giấu ở bãi đá tại vị trí T sử dụng, sau đó đi về nhà. Đến khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 14/4/2026, khi T đang ở nhà một mình thì có Lý A Tiến, sinh năm 1989, trú tại bản N, xã N, tỉnh Lai Châu và Tòng Văn T2, sinh năm 1989, trú tại Thôn B, xã T, tỉnh Lai Châu đến nhà T và hỏi mua H2 để sử dụng. Qua trao đổi, T1 và T2 đưa cho T 150.000 đồng *(Trong đó: tiền của T1 100.000 đồng, tiền của Tướng 50.000 đồng).* Nhận tiền xong, T cất tiền vào túi quần phía trước bên phải rồi đi bộ ra khu vực bãi đá đầu bản X, xã M, tỉnh Lai Châu để lấy gói Heroine đã cất giấu từ trước. Sau khi lấy được H2, T cầm Heroine trên tay phải rồi đi về nhà. Trên đường về, T dùng 100.000 đồng mua nước lọc và trả tiền nợ tại quán tạp hóa của anh Lò Văn H3, sinh năm 1990, trú cùng bản, số tiền 50.000 đồng, còn lại T cất vào túi quần sau, bên trái đang mặc trên người rồi đi về nhà. Về đến nhà, T đến ngồi cạnh T1 và T2 tại sàn nhà và mở gói H2 ra rồi dùng tay cấu số Heroine ra thành hai phần, phần nhiều đưa cho T1 *(do T1 đưa 100.000 đồng)*, phần ít hơn đưa cho T2 *(do T2 đưa 50.000 đồng)*. Đưa H2 cho T1 và T2 xong, T ngồi tại chỗ để hút thuốc lào. Nhận được H2, T1 và T2 cùng hỏi xin T cho sử dụng Heroine ngay tại nhà của T, T đồng ý và nói "cứ chơi đi". Sau đó, T1 lấy từ trong người ra 01 chiếc bật lửa gas màu đỏ và một mảnh giấy bạc ra để sử dụng số Heroine đã mua của T. Tướng cũng lấy từ trong người ra 01 chiếc bật lửa gas màu xanh và một mảnh giấy bạc ra để sử dụng số Heroine đã mua của T. Việc T1 và T2 sử dụng Heroine tại nhà của T thì được T đồng ý, chứng kiến. Hồi 10 giờ 20 phút cùng ngày, khi T1 và T2 vừa sử dụng xong Heroine thì bị Tổ công tác Công an tỉnh L phát hiện, kiểm tra, bắt quả tang. T1 và T2 khai nhận: Nguồn gốc Heroine T3 và T2 vừa sử dụng xong là do mua của T *(Trong đó: T3 mua Heroine với giá 100.000 đồng; T2 mua Heroine với giá 50.000 đồng)*; T thừa nhận bán Heroine cho T3 và T2, ngoài ra T còn đồng ý cho T3 và T2 sử

dụng trái phép chất ma túy tại nhà của mình. Trước sự việc trên, tổ công tác đã mời người chứng kiến, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng theo quy định.

Tại Bản kết luận giám định số: 364/KL-KTHS, ngày 22/04/2026 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: "01 *(một)* tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng *(năm mươi nghìn đồng)* có mã số hiệu: QQ 24498500 gửi giám định là tiền thật."

Tại Bản kết luận giám định số: 498/KL-KTHS, ngày 28/05/2026 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận:

Các dấu vân tay in trên mẫu cần giám định và các dấu vân tay in trên mẫu so sánh là của cùng một người.

Vật chứng thu giữ của Lý Văn T gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng đây là số tiền còn lại do Lý Văn T bán ma túy cho Lý A T1 và Tòng Văn T2; 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ.

Vật chứng thu giữ của Lý A T1 gồm: 01 bật lửa gas bằng nhựa màu đỏ và 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy dở.

Vật chứng thu giữ của Tòng Văn T2 gồm: 01 bật lửa gas bằng nhựa màu xanh và 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy dở.

Vật chứng hiện còn lại gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; 02 bật lửa gas *(01 bật lửa gas bằng nhựa màu đỏ và 01 bật lửa gas bằng nhựa màu xanh)* và 02 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy dở. Hiện các vật chứng còn lại đang được niêm phong và bảo quản theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 78/CT-VKS-KV4, ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu đã truy tố bị cáo Lý Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Bản kết luận điều tra số 265/BKL-CSMT ngày 16/6/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và bản Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời phân tích, đánh giá toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lý Văn T phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 256 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

Đề nghị áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn T mức án

từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Đề nghị áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 256; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn T mức án từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội đối với bị cáo Lý Văn T.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 251 và khoản 3 Điều 256 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; 02 bật lửa gas *(01 bật lửa gas bằng nhựa màu đỏ và 01 bật lửa gas bằng nhựa màu xanh)* và 02 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy dở.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng.

+ Truy thu số tiền 100.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T đưa ra những quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, khoản 2, khoản 6, 251; điểm d, khoản 2, khoản 3, Điều 256; Điều 38; Điều 50; Điều 55 của Bộ luật sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt cho bị cáo; và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 1, 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lý Văn T.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Lý Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát và bị cáo nhất trí với luận cứ bào chữa, không bổ sung lời bào chữa.

Tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[2] Người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy lời khai của họ đã có trong hồ sơ, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Lý Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng; kết luận giám định; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 14/04/2026, tại nhà của Lý Văn T ở bản X, xã M, tỉnh Lai Châu, bị cáo đã có hành vi bán trái phép chất ma túy loại Heroine cho Lý A T1 và Tòng Văn T2 lấy số tiền 150.000 đồng. Sau khi bán Heroine, bị cáo còn đồng ý cho Lý A T1 và Tòng Văn T2 sử dụng trái phép chất ma túy tại ngôi nhà thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình.

Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy đối với 02 người; đồng thời phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy đối với 02 người.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 251 và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 truy tố bị cáo về các tội danh nêu trên và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, đồng thời xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo không chỉ thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhằm thu lợi bất chính mà còn chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy

tại nơi ở thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích, đồng thời góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Lý Văn T sinh ra tại xã M, tỉnh Lai Châu; bị cáo có sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo đã không tu dưỡng, rèn luyện bản thân, chịu khó làm ăn, lao động sản xuất mà mắc vào tệ nạn xã hội, nghiện chất ma túy. Bị cáo có nhân thân xấu: Tại bản án số 56/2011/HSST ngày 12/09/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1, Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 *(sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, xử phạt bị cáo 24 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/3/2013 và đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 29/11/2011. Do đó, bị cáo đã được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc Cống, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế nên được xem xét giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6, Điều 251 và khoản 3, Điều 256 Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản riêng để bảo đảm thi hành hình phạt bổ sung. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; 02 bật lửa gas *(01 bật lửa*

gas bằng nhựa màu đỏ và 01 bật lửa gas bằng nhựa màu xanh) và 02 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy dở. Đây là những công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với số tiền 50.000 đồng thu giữ của bị cáo Lý Văn T là tiền do phạm tội mà có, nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 100.000 đồng cần truy thu theo quy định.

[7] Những vấn đề liên quan:

- Đối với người đàn ông dân tộc Mông lạ mặt đã bán Heroine chọ bị cáo: Do bị cáo không biết rõ nhân thân, lai lịch của người này, ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có đủ căn cứ để điều tra làm rõ.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lý Văn T, Lý A T1 và Tòng Văn T2. Ngày 14/4/2026, Cơ quan điều tra tiến hành test chất ma túy trong cơ thể của T, T1 và T2, kết quả trong cơ thể của T, T1 và T2 dương tính với chất ma túy *(MOP)*. Quá trình điều tra xác định T, T1 và T2 không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*), do đó hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T, T1 và T2 không cấu thành tội "Sử dụng trái phép chất ma túy". Ngày 15/06/2026, Đội 4 - Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy đã ra quyết định xử phạt hành chính theo thủ tục không lập biên bản bằng hình thức Cảnh cáo đối với Lý Văn T, Lý A T1 và Tòng Văn T2 theo quy định của pháp luật.

- Đối với anh Lò Văn H3, sinh năm 1990, trú tại bản Xám Láng, xã M, tỉnh Lai Châu là chủ quán tạp hóa, anh H3 không biết việc T dùng 100.000 đồng mua nước lọc và trả tiền nợ tại quán tạp hóa là tiền T bán Heroine mà có. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo. Do đó, căn cứ khoản 2, Điều 135; khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, khoản 2 khoản 6 Điều 251; điểm d, khoản 2, khoản 3, Điều 256; các Điều 38, Điều 50 và Điều 55 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất trong khung hình phạt đối với bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung; đồng thời xem xét các tình tiết bị cáo là người dân tộc

thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo và áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã chấp nhận các đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy các đề nghị này có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đối với mức hình phạt cụ thể, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định theo quy định của pháp luật.

[10] Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, khoản 2, khoản 6 Điều 251; điểm d, khoản 2, khoản 3, Điều 256; Điều 55; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lý Văn T 07 *(bảy)* năm 01 *(một)* tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 07 *(bảy)* năm 01 *(một)* tháng tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo Lý Văn T phải chấp hành là 14 *(mười bốn)* năm 02 *(hai)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ là ngày 14/4/2026.

Không áp dụng các hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; 02 bật lửa gas *(01 bật lửa gas bằng nhựa màu đỏ và 01 bật lửa gas bằng nhựa màu xanh)* và 02 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy dở.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng.

- Truy thu số tiền 100.000 đồng.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Toà án nhân dân cấp trên./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 4 - Lai Châu;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Lai Châu;
- Phân trại tạm giam Mường Tè - Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lai Châu;
- Lưu HS - HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Văn Dũng